

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

TS. Trịnh Quốc Trung
ThS. Nguyễn Văn Sang
Trường ĐH Ngân hàng TP.HCM

Tóm tắt: Bài viết sử dụng mô hình hồi quy Tobit dựa trên bộ số liệu của 39 ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam giai đoạn 2005-2012 để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các NHTM Việt Nam thông qua chỉ tiêu ROA và ROE. Nghiên cứu cho thấy, tổng chi phí hoạt động trên doanh thu có tương quan nghịch với cả ROA và ROE; tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản càng cao thì lợi nhuận trên tổng tài sản càng cao, nhưng lại làm lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu giảm; tỷ lệ cho vay so với tổng tài sản càng cao thì lợi nhuận của NHTM càng cao; tỷ lệ nợ xấu càng cao thì hiệu quả hoạt động của các NHTM càng giảm; NHTM nhà nước hoạt động kém hiệu quả hơn so với NHTM khác.

Từ khóa: Hiệu quả hoạt động, ngân hàng thương mại Việt Nam.

Giới thiệu

Hoạt động ngân hàng tại Việt Nam giai đoạn 2005-2012 trải qua sự thăng trầm cùng với cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2007-2008 và những hậu quả gây ra cho nền kinh tế nói chung, hệ thống NHTM Việt Nam nói riêng không thể khắc phục trong thời gian ngắn. Để có thể đưa ra các quyết định phù hợp về chính sách và điều hành hệ thống NHTM tại Việt Nam trong thời gian tới thì việc xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các NHTM Việt Nam trong giai đoạn 2005-2012 là cần thiết. Bài viết đánh giá các nhân tố tác động đến hiệu quả tài chính của các NHTM Việt Nam nhằm giải quyết vấn đề nêu trên.

Cơ sở lý thuyết

Hiệu quả hoạt động được hiểu là khả năng biến đổi các đầu vào có tính chất khan hiếm thành khả năng sinh lời hoặc giảm thiểu chi phí so với các đối thủ cạnh tranh (Daft, 2008). Có nhiều cách đo lường hiệu quả hoạt động như sử dụng chỉ số ROA, ROE (với ROA được đo lường bằng lợi nhuận ròng trên tổng tài sản công

ty và ROE được đo lường bằng lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu) (Topak, 2011). Các chỉ số này được sử dụng hầu như thường xuyên trong các nghiên cứu học thuật để đo lường hiệu quả hoạt động tài chính. Hiệu quả hoạt động của các NHTM có thể được đánh giá qua hai nhóm chỉ tiêu hiệu quả tuyệt đối và hiệu quả tương đối: (i) Các chỉ tiêu hiệu quả tuyệt đối cho phép đánh giá hiệu quả hoạt động theo cả chiều sâu và chiều rộng. Tuy nhiên loại chỉ tiêu này trong một số trường hợp lại gặp khó khăn khi so sánh các ngân hàng có quy mô khác nhau; (ii) Các chỉ tiêu hiệu quả tương đối có thể được thể hiện dưới dạng tĩnh (hiệu quả hoạt động = kết quả kinh tế/chi phí bỏ ra để đạt được kết quả đó hoặc dạng nghịch là hiệu quả hoạt động = chi phí/kết quả kinh tế) hoặc dưới dạng động hay dạng cận biên (hiệu quả hoạt động = mức tăng kết quả kinh tế/mức tăng chi phí). Những chỉ tiêu này rất thuận tiện so sánh theo thời gian và không gian, cũng như cho phép so sánh hiệu quả giữa các ngân hàng có quy mô khác nhau, các thời kỳ khác nhau.

Dựa trên các nghiên cứu trước, nhóm tác giả nhận thấy các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của ngân hàng bao gồm:

Loại hình ngân hàng (OWNERNN)

Theo nghiên cứu của Brett Chulu (2011), Heffernan và Fu (2008) tại Zimbabwe, Trung Quốc... các NHTM thuộc sở hữu quốc doanh hoạt động với tỷ suất lợi nhuận rất thấp. Nghiên cứu của Vũ Thị Thu Hà (2006) cho thấy, tại Việt Nam, loại hình ngân hàng do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn cổ phần hoạt động kém hiệu quả hơn các loại hình ngân hàng còn lại. Chính vì vậy OWNERNN là biến giả được đưa vào nhằm kiểm định sự khác biệt về hiệu quả có thể có giữa các loại hình ngân hàng. Do đó, OWNERNN nhận giá trị bằng 1 nếu ngân hàng là NHTM nhà nước và nhận giá trị bằng 0 nếu là loại hình NHTM khác. Theo dự đoán, OWNERNN có ảnh hưởng trái chiều với hiệu quả hoạt động.

Tổng chi phí trên tổng doanh thu (TCTR)

Theo Nguyễn Việt Hùng (2008), yếu tố tổng chi phí trên tổng doanh thu có ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của NHTM tại Việt Nam. TCTR là biến được đo bằng tổng chi phí trên tổng doanh thu, phản ánh khả năng điều chỉnh mối quan hệ giữa tỷ lệ đầu ra đầu vào để đạt được mức hiệu quả. Theo dự đoán, TCTR càng nhỏ chỉ số hiệu quả càng cao.

Tỷ lệ tiền gửi trên số tiền cho vay (DLR)

Theo Kyriaki Kosmido và các tác giả (2008), Nguyễn Việt Hùng (2008), tỷ lệ tiền gửi trên số tiền cho vay có ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng. Lợi nhuận chủ yếu của các NHTM chính là chênh lệch giữa thu về lãi và chi về lãi. Vì vậy, một trong những cách thức làm tăng hiệu quả hoạt động của ngân hàng đó là phải sử dụng tốt nguồn vốn huy động, bằng việc cho vay ra để tạo ra thu nhập từ lãi. Như vậy, nếu tỷ lệ DLR thấp có nghĩa là ngân hàng đã không sử dụng tốt nguồn vốn huy động của nó và ngược lại thì ngân hàng đã sử dụng tốt vốn huy động của nó. Một ngân hàng sử dụng vốn tốt sẽ có số

thu về lãi lớn hơn và hiệu quả hoạt động tốt hơn, vì vậy mối quan hệ giữa biến số này với độ đo hiệu quả có dấu kỳ vọng là âm.

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản (ETA)

Theo bộ chỉ số lành mạnh tài chính theo chuẩn IMF, tỷ lệ vốn trên tổng tài sản được đánh giá là một trong các chỉ số khuyến khích để đánh giá độ lành mạnh tài chính của NHTM (IMF, 2006). Theo Heffernan và Fu (2008), ETA lớn thì lợi nhuận trên vốn tự có tăng, đồng thời nó cho biết việc tài trợ cho tài sản bằng vốn chủ sở hữu tăng làm giảm rủi ro cho các cổ đông và các trái chủ của ngân hàng. Tỷ lệ này có thể ảnh hưởng tích cực cũng như tiêu cực đến mức hiệu quả đồng thời nó được sử dụng để phản ánh những điều kiện quy định quản lý đối với ngân hàng.

Thị phần của các NHTM (MARKSHARE)

MARKSHARE được đưa vào mô hình hồi quy Tobit để kiểm định phần chia thị trường và được tính bằng tổng tài sản của từng ngân hàng/tổng tài sản của tất cả các ngân hàng. Biến này cũng được Nguyễn Việt Hùng (2008), Isik và Hassan (2003), Heffernan và Fu (2008) sử dụng trong mô hình của mình.

Tỷ lệ vốn cho vay so với tổng tài sản (LOANTA)

LOANTA là tỷ lệ vốn cho vay so với tổng tài sản có là chỉ tiêu phản ánh rủi ro thanh khoản trong hoạt động của ngân hàng, nó cho biết phần tài sản có được phân bổ vào những loại tài sản có tính thanh khoản kém nhất. Bởi vậy, biến này phần nào cho biết năng lực quản trị ngân hàng của các nhà quản lý. Theo Nguyễn Việt Hùng (2008), Isik và Hassan (2003), Heffernan và Fu (2008) nếu một ngân hàng thực hiện được nhiều khoản cho vay hợp lý sẽ làm cho chi phí hoạt động thấp hơn và cho phép ngân

hàng này có thể dần dần tăng phần chia thị trường cho vay lớn hơn. Theo dự đoán, dấu của LOANTA sẽ dương trong mô hình hồi quy này.

Tỷ lệ nợ quá hạn trên dư nợ cho vay (NPL)

Theo IMF (2006), tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ là một trong các chỉ số cốt lõi để đánh giá độ lành mạnh tài chính của NHTM, nếu tỷ lệ này cao có thể đẩy ngân hàng đến tình trạng phá sản. Như vậy, dấu tác động của NPL đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng được kỳ vọng là âm, nghĩa là NPL càng cao thì hiệu quả hoạt động của các NHTM càng giảm. Nguyễn Việt Hùng (2008) cũng sử dụng bộ dữ liệu này.

Phương pháp nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu

Số liệu cho bài nghiên cứu này được lấy từ các báo cáo tài chính có kiểm toán độc lập

chính xác và được chọn lựa cho phù hợp với nội dung nghiên cứu.

Mô hình nghiên cứu

Sau khi ước lượng được các độ đo hiệu quả, mô hình hồi quy Tobit được sử dụng để phân tích các nhân tố tác động. Theo Gujarati (2004), Tobit là mô hình phù hợp nhất được sử dụng để ước lượng ảnh hưởng của các biến độc lập đến biến phụ thuộc nếu giá trị của biến phụ thuộc bị kiểm duyệt hay không được phép nhỏ hơn một giá trị nhất định nào đó. Trong trường hợp bài viết này, giá trị của biến phụ thuộc chỉ có thể lớn hơn hoặc bằng không.

Mô hình hồi quy của nghiên cứu được kỳ vọng có dạng:

$$P = \beta_0 + \beta_1 * OWNERNN + \beta_2 * TCTR + \beta_3 * DLR + \beta_4 * ETA + \beta_5 * MARKSHARE + \beta_6 * LOANTA + \beta_7 * NPL + \varepsilon$$

Trong đó các biến được giới thiệu chi tiết trong Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả các biến được sử dụng trong mô hình hồi quy

Biến	Mô tả	Đo lường	Dấu kỳ vọng
Phụ thuộc			
ROA (P1)	Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản		
ROE (P2)	Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu		
Độc lập			
OWNERNN (Y)	Loại hình ngân hàng	= 1 nếu NHTM nhà nước, 0: NHTM khác	-
TCTR (X1)	Tỷ lệ chi phí trên doanh thu	Tổng chi phí/doanh thu thuần	-
DLR (X2)	Tỷ lệ tiền gửi so với tiền cho vay	Tiền gửi/tiền cho vay	+
ETA (X3)	Vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu/tổng tài sản	+
MARKSHARE (X4)	Thị phần ngân hàng	Tổng tài sản từng ngân hàng/tổng tài sản 39 NHTM	+
LOANTA (X5)	Tỷ lệ cho vay trên tổng tài sản	Cho vay/tổng tài sản	+
NPL (X6)	Tỷ lệ nợ quá hạn trên tổng dư nợ	Nợ quá hạn/tổng dư nợ cho vay	-

của các NHTM Việt Nam, bao gồm: 5 NHTM nhà nước và 34 NHTM cổ phần phi nhà nước giai đoạn 2005-2012. Số liệu được thu thập và lựa chọn, so sánh đối chiếu với nhiều nguồn báo cáo tài chính khác nhau để đảm bảo độ

Kết quả và thảo luận

Các kiểm định về sự phù hợp của hệ số hồi quy, giả thuyết đồng thời đa cộng tuyến... đã được thực hiện đảm bảo sự phù hợp và ổn

Bảng 2: Kết quả hồi quy

Biến	ROA			ROE		
	Hệ số	Giá trị t	Giá trị p	Hệ số	Giá trị t	Giá trị p
OWNERNN	-0,0007	-0,2882	0,7736	-0,0779	-4,5404**	0,0000
TCTR	-0,0223	-8,0672**	0,0000	-0,0715	-3,7689**	0,0003
DLR	0,0011	1,0618	0,2895	0,01405	1,9043	0,0590
ETA	0,0410	11,0316**	0,0000	-0,16905	-6,6466**	0,0000
MARKSHARE	0,0121	0,6120	0,5412	1,1318	8,3382**	0,0000
LOANTA	0,0091	2,6045**	0,0099	0,0590	2,4582**	0,0149
NPL	-0,0766	-2,5390**	0,0116	-0,6536	-3,1644**	0,0019
Hệ số chặn	0,0120	3,8089	0,0003	0,1150	5,3414	0,0000
R ² điều chỉnh	0,7040			0,6907		
Số F (F-statistic)	35,4207			33,5894		
Hệ số Durbin – Watson	0,9279			1,1296		
Số quan sát	252			252		

Ghi chú: ** có ý nghĩa thống kê ở mức 5%

định của mô hình (Bảng 2). Kết quả cho thấy, trong mô hình ROA các hệ số hồi quy của biến TCTR, ETA, LOANTA và NPL có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 5% và trong mô hình ROE, các hệ số hồi quy của biến OWNERNN, TCTR, ETA, MARKSHARE, LOANTA và NPL có ý nghĩa thống kê ở mức 5%.

Kết quả hồi quy cho thấy:

- Tổng chi phí hoạt động trên tổng doanh thu (TCTR) có ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của NHTM Việt Nam. Hệ số hồi quy cho cả ROA và ROE đều là dấu âm. Điều này chứng tỏ rằng, sự thay đổi của TCTR ngược chiều với hiệu quả hoạt động của NHTM Việt Nam, nếu chi phí hoạt động càng lớn hoặc doanh thu càng thấp (hoặc cả hai) sẽ làm giảm hiệu quả hoạt động của NHTM Việt Nam;

- Tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản (ETA) có ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của NHTM Việt Nam. Kết quả ảnh hưởng ETA cho ROA là dấu dương, còn với ROE lại là dấu âm. Điều này cho thấy, tỷ lệ vốn hóa càng cao thì lợi nhuận trên tổng tài sản càng cao, nhưng lại làm lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu giảm;

- Tỷ lệ cho vay trên tổng tài sản (LOANTA) có ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của NHTM Việt Nam. Kết quả ảnh hưởng ETA cho cả ROA và ROE là dấu dương. Điều này cho thấy, tỷ lệ cho vay so với tổng tài sản càng cao thì lợi nhuận của NHTM càng cao;

- Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ cho vay (NPL) có ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của NHTM Việt Nam. Kết quả ảnh hưởng ETA cho cả ROA và ROE là dấu âm, cho thấy tỷ lệ nợ xấu càng cao thì hiệu quả hoạt động của các NHTM càng giảm;

- Loại hình ngân hàng (OWNERNN) có ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động NHTM Việt Nam thông qua biến ROE và mang dấu âm. Điều này chứng tỏ NHTM nhà nước hoạt động kém hiệu quả hơn so với NHTM khác;

- Tỷ lệ phân chia thị trường (MARKSHARE) có ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động NHTM Việt Nam thông qua biến ROE và mang dấu dương. Điều này chứng tỏ, các NHTM có vốn hóa lớn sẽ hoạt động hiệu quả hơn;

- Trong mô hình hồi quy ROA, tỷ trọng ảnh hưởng của ETA là cao nhất (hệ số = 0,0410):

Điều này cho thấy, trong các biến có ảnh hưởng đến lợi nhuận trên tổng tài sản thì yếu tố vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản có độ nhạy cao nhất; tỷ trọng ảnh hưởng của LOANTA là thấp nhất (hệ số = 0,0091): tỷ lệ cho vay trên tổng tài sản của các NHTM có độ nhạy thấp nhất. Trong mô hình hồi quy ROE, tỷ trọng ảnh hưởng của MARKSHARE là cao nhất (hệ số = 1,1318); tỷ trọng ảnh hưởng của LOANTA là thấp (hệ số = 0,059). Điều này cho thấy, lợi nhuận trên vốn phụ thuộc khá nhiều vào tỷ lệ phân chia thị trường.

Kết luận và kiến nghị

Nghiên cứu cho thấy hiệu quả tài chính của ngân hàng có tương quan nghịch với tổng chi phí/doanh thu, tỷ lệ nợ xấu, tương quan thuận vốn chủ sở hữu/tổng tài sản, tỷ lệ cho vay so với tổng tài sản. Điều này cũng cùng kết quả với các

nghiên cứu trước. Do vậy để tăng hiệu quả tài chính của một ngân hàng cần chú ý tăng quy mô vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản, tăng tỷ lệ cho vay so với tổng tài sản và giảm tỷ lệ nợ xấu. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng cho thấy NHTM nhà nước hoạt động kém hiệu quả hơn so với NHTM khác và vì vậy vấn đề tái cấu trúc ngân hàng cần phải chú trọng đến loại hình sở hữu của ngân hàng mới có thể tăng tính hiệu quả của từng ngân hàng cũng như toàn hệ thống.

Tuy nhiên, cũng cần thận trọng sử dụng kết quả nghiên cứu vì nghiên cứu xây dựng mô hình bằng các biến định lượng (chỉ có 7 biến định lượng) so với mô hình của Heffernan và Fu (2008) viết về Trung Quốc (15 biến, 2 biến định tính) và chưa đưa vào mô hình nghiên cứu hiệu quả hoạt động NHTM thông qua các biến liên quan đến trình độ lao động, giới tính nhân viên ■

Tài liệu tham khảo

1. Brett Chulu (2011). *Zimbabwe: Analysis of 2011 Bank performance*. Zimbabwe Independent, April 20th 2011.
2. Daft, R., L. (2008). *Management*, 8th Ed., Mason: Thomson South-Western.
3. Gujarati, D. (2004). *Basic Econometrics*. 4th Ed., India: Tata McGraw Hill.
4. Heffernan, S. & Fu, M. (2008). *The Determinants of Bank Performance in China*. Social Science Electronic Publishing, August 22nd 2008, SSRN. 1247713.
5. IMF (2006). *Financial Soundness Indicators Compilation Guide*. <http://www.imf.org/external/pubs/ft/fsi/guide/2006/index.htm>
6. Isik, I. & Hassan, M., K. (2003). *Efficiencies, ownership and market structure, corporate control and governance in the Turkish banking industry*. *Journal of Business Finance and Accounting*, 1363-1421
7. Kyriaki Kosmido & Constantin Zopounidis (2008). *Measurement of Bank performance in Greece*. *South-Eastern Europe Journal of Economics* 1, 2008, 79-95.
8. Nguyễn Việt Hùng (2008). *Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của NHTM Việt Nam*. Luận án Tiến sỹ, Trường Đại Học Kinh tế Quốc dân.
9. Topak, M., S. (2011). *The Effect of Board Size on Firm Performance: Evidence from Turkey*. *Middle Eastern Finance and Economics*, 14, 119-127.
10. Vũ Thị Thu Hà (2006). *Sử dụng mô hình phân tích giới hạn ngẫu nhiên để phân tích hiệu quả chi phí của các ngân hàng thương mại Việt Nam*. *Tạp chí Ngân hàng* số 29/5/2006.